

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15/6/2023
V/v: Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thiện Lợi;
- Bà Hoàng Thị Phụng.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên toà:* Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Như Tuấn A, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn H, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1989; Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn H, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở hiện nay: Xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

(Tại phiên tòa vắng mặt anh Phạm Như Tuấn A và chị Trần Thị T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Như Tuấn A trình bày và có yêu cầu như sau:*

- Về hôn nhân: Anh Phạm Như Tuấn A và chị Trần Thị T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 11/4/2012 tại UBND xã V, thành phố T, tỉnh Thái

Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2012 cho đến nay. Chị T đang ở địa chỉ: Xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai song Anh Tuấn A và chị T đã làm đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình giải quyết vụ án ly hôn. Nay Anh Tuấn A và chị T đều xác định vợ chồng không còn tình cảm. Anh Tuấn A đã trao đổi với chị T về việc tôi xin ly hôn, chị T đồng ý ly hôn. Anh Tuấn A đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Tuấn A được ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh Tuấn A và chị T chưa có con chung, hiện tại chị T không có thai.

- Về tài sản: Anh Tuấn A và chị T không tài sản chung, không vay nợ chung và cũng không cho ai vay nợ. Anh Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

** Bị đơn chị Trần Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Phạm Như Tuấn A tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 11/4/2012 tại UBND xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp. Nay chị T và anh Tuấn A đều xác định vợ chồng không còn tình cảm. Anh Tuấn A xin ly hôn, chị T đồng ý ly hôn. Các văn bản Tòa án gửi cho chị T, chị T đề nghị gửi qua anh Tuấn A để anh Tuấn A thông báo lại cho chị T biết, còn Bản án đề nghị Tòa án gửi cho chị T theo địa chỉ: Xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

- Về con chung: Anh Tuấn A và chị T chưa có con chung, hiện tại chị T không có thai.

- Về tài sản: Anh Tuấn A và chị T không tài sản chung, không vay nợ chung và cũng không cho ai vay nợ. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

** Qua xác minh UBND xã V, thành phố T cung cấp:*

Anh Phạm Như Tuấn A và chị Trần Thị T có đăng ký kết hôn hợp pháp và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Trung Hòa, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa phương thời gian ngắn thì chị T đi khỏi địa phương, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Anh Tuấn A và chị T không có con chung. Anh Tuấn A và chị T có tài chung hay không thì địa phương không biết. Việc anh Tuấn A xin ly hôn chị T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:*

1. Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và thụ lý vụ án; thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Về thành phần tham gia xét xử và việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, có bản tự khai, giao nộp các tài liệu, chứng cứ và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Như Tuấn A và chị Trần Thị T.

- Về nuôi con chung: Không phải giải quyết.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Các đương sự phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng: Anh Phạm Như Tuấn A và chị Trần Thị T có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình giải quyết vụ án ly hôn và đều có đơn đề nghị xin được vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo trình tự vắng mặt anh Tuấn A và chị T.

II. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tuấn A và chị T được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn Anh Tuấn A và chị T đều trình bày là vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh Tuấn A xin ly hôn, chị T đồng ý ly hôn. Xét thấy trên thực tế cuộc sống chung giữa anh Tuấn A và chị T đã không còn tồn tại, tình yêu thương đối với nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Tuấn A và chị T.

[2] Về nuôi con chung: Anh Tuấn A và chị T không có con chung, hiện tại chị T không có thai nên không phải giải quyết.

[3] Về chia tài sản: Anh Tuấn A và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Các đương sự phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Như Tuấn A và chị Trần Thị T.

2. Về nuôi con chung: Không phải giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Như Tuấn A phải nộp 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Trần Thị T phải nộp 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Tuấn A đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0001354 ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Tuấn A. Trả lại anh Tuấn A 225.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Như Tuấn A và chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ hay được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã V, TP.T, tỉnh Thái Bình (GCNKH số 48 quyển số 01 ngày 11/4/2012);
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Chu Thị Tuyết